BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Số: **07** /HĐTD-ĐHNLBG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 24 tháng 9 năm 2015

THÔNG BÁO
của Hội đồng Tuyển dụng viên chức năm 2015

Kính gửi: Các Ứng viên tham gia dự kỳ thi tuyển dụng viên chức năm 2015
Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2015 thông báo:

Đã có kết quả thi tuyển viên chức năm 2015 được đăng tải trên Website của nhà trường và trên bảng thông tin tại Khu nhà Hành chính (Nhà A1);

Ứng viên có yêu cầu chấm phúc khảo gửi đơn đề nghị chấm phúc khảo và lệ phí về Hội đồng tuyển dụng viên chức trước 17 giờ ngày 08 tháng 10 năm 2015.

Không thực hiện việc phúc khảo đối với môn thi Thực hành.

Lệ phí: 50.000 đ/môn./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG-LÂM BẮC GIANG

TS. Nguyễn Quang Hà

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Bắc Giang, ngày 24 tháng 9 năm 2015

KẾT QUẢ THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2015

TT1	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi	Quê quán	Kết quả thi các môn					Tổng cộng
			Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Viết CM, NVCN	Thực hành CM, NVCN	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*G*	*H*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=(Hệ số 2)*	*6=(1+4+5)*
I		**KHOA KINH TẾ - TÀI CHÍNH**										
1	GV02	Phan Thị Hà Châm		25/3/1991	GV Kinh tế	Nho Quan, Ninh Bình	**68.0**	53.0	65.3	**68.0**	**175.3**	**311.3**
II		**KHOA NÔNG HỌC**										
2	GV10	Lê Thị Hoa		07/01/1986	GV BVTV	Hoài Đức, Hà Nội	**37.0**	65.0	63.8	**52.5**	**71.3**	**160.8**
III		**KHOA CHĂN NUÔI - THÚ Y**										
3	GV01	Đỗ Thị Vân Anh		21/11/1989	GV Thú y	Việt Yên, Bắc Giang	**56.5**	58.0	45.0	**22.8**	**162.3**	**241.6**
4	GV08	Hồ Thu Hiền		31/12/1986	GV Thú y	Việt Yên, Bắc Giang	**62.5**	50.0	61.5	**56.0**	**172.5**	**291.0**
IV		**KHOA TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG**										
5	GV22	Phạm Thị Thương		04/12/1989	GV CNMT	Chí Linh, Hải Dương	**50.5**	40.0	67.3	**51.8**	**139.0**	**241.3**
6	GV24	Nguyễn Thị Tươi		10/12/1990	GV CNMT	Xuân Trường, Nam Định	**45.0**	50.0	65.8	**51.3**	**127.7**	**223.9**
7	GV15	Phạm Thị Thanh Nhàn		21/10/1992	GV CNMT	Thuận Thành, Bắc Ninh	**41.5**	50.0	55.3	**53.3**	**127.0**	**221.8**
8	GV07	Dương Thị Hậu		15/6/1990	GV QLMT	Tân Yên, Bắc Giang	**66.5**	60.0	67.3	**71.5**	**171.0**	**309.0**
9	GV04	Vũ Văn Cứ		16/01/1987	GV QLMT	Lục Ngạn, Bắc Giang	**52.0**	26.0	46.0	**25.8**	Bỏ thi	
10	GV23	Đinh Thị Thu Trang		06/7/1988	GV QLMT	Lạng Giang, Bắc Giang	**57.0**	50.0	68.3	**68.8**	**161.3**	**287.1**
11	GV11	Dương Thị Hòa		21/3/1987	GV QLMT	Việt Yên, Bắc Giang	**56.0**	42.0	60.8	**59.0**	**129.7**	**244.7**
12	GV21	Hà Thị Hoài Thu		06/01/1992	GV QLMT	Tràng Định, Lạng Sơn	**59.0**	45.0	65.8	**53.5**	**147.0**	**259.5**
13	GV19	Hoàng Thị Sen		10/02/1992	GV QLMT	Gia Lộc, Hải Dương	**44.0**	51.0	56.0	**51.8**	**141.3**	**237.1**
14	GV26	Nghiêm Xuân Xô	21/5/1987		GV Trắc địa	Hiệp Hòa, Bắc Giang	**29.5**	31.0	66.3	**35.0**	**160.0**	**224.5**
15	GV13	Trịnh Xuân Huy	26/12/1989		GV Trắc địa	Nam Sách, Hải Dương	**60.5**	55.0	63.8	**89.5**	**168.0**	**318.0**

TT1	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi	Quê quán	Kết quả thi các môn					Tổng cộng
			Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Viết CM, NVCN	Thực hành CM, NVCN	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*G*	*H*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=(Hệ số 2)*	*6=(1+4+5)*
V		**KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**										
16	GV12	Thân Thị Hương		09/10/1993	GV CNTP	Việt Yên, Bắc Giang	**50.0**	66.0	59.3	**32.0**	**90.0**	**172.0**
VI		**KHOA LÂM NGHIỆP**										
17	GV09	Hoàng Thị Hiền		02/4/1991	GV LN đô thị	Việt Yên, Bắc Giang	**54.0**	61.0	62.8	**52.1**	**119.7**	**225.8**
VII		**KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN**										
18	GV25	Đào Thị Vui		24/12/1984	GV Hóa	Lạng Giang, Bắc Giang	**38.0**	52.0	63.8	**38.5**	**103.3**	**179.8**
VIII		**KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**										
19	GV14	Trương Thị Linh		19/7/1991	GV Luật	TP.Bắc Giang, Bắc Giang	**64.0**	62.0	65.8	**64.5**	**154.7**	**283.2**
IX		**PHÒNG THIẾT BỊ & ĐẦU TƯ**										
20	KS03	Nguyễn Văn Công	11/10/1985		KS xây dựng	Nam Đàn, Nghệ An	**53.0**	50.0	67.8	**82.5**	**170.0**	**305.5**
X		**PHÒNG KHOA HỌC & HTQT**										
21	CV17	Chu Thị Phương		04/8/1991	Chuyên viên	Yên Thế, Bắc Giang	**63.5**	Miễn	55.5	**75.0**	**108.0**	**246.5**
22	CV05	Dương Thị Hương Giang		26/9/1991	Chuyên viên	Đa Mai, TP. Bắc Giang	**68.0**	Miễn	52.5	**64.0**	**146.0**	**278.0**
23	CV06	Trần Thị Lệ Giang		23/12/1988	Chuyên viên	Yên Dũng, Bắc Giang	**42.5**	Miễn	68.0	**36.0**	**157.3**	**235.8**
XI		**VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY, CÔNG ĐOÀN**										
24	CV20	Tạ Thị Thảo		05/8/1985	Chuyên viên	Tân Yên, Bắc Giang	**81.0**	78.0	68.0	**68.0**	**161.7**	**310.7**

Danh sách có: 24 người

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Thân Thế Hùng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG-LÂM BẮC GIANG

TS. Nguyễn Quang Hà